

PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG ANH LỚP 3 (BUỔI 1) – MS.YEN

I. Read and circle (1 điểm)

1. 
princess
cook
sister

2. 
mouse
monkey
tiger

3. 
bell
clock
climb

4. 
Swing
Sing
Ring

II. Write the correct words with the picture (1.25 điểm)

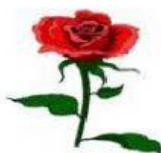
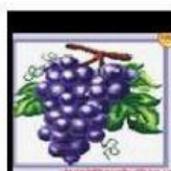
dress

grapes

boy

cook

flower



1,..... 2, 3, 4, 5.....

III .Circle the odd-one-out. (Khoanh tròn từ mang nghĩa khác loại). (1.25 điểm)

- 1 A. socks B. shorts C . kitchen D. coat
- 2 A. sheep B. dress C. T-shirt D. pants
- 3 A. fish B. shoes C. lion D. goat
- 4 A. living room B. hat C. bedroom D. bathroom
- 5 A. house B. apartment C. chair D. dining room

IV. Count and write. (Đếm và viết) (1 điểm)

11. seven + eight = _____
2. eighteen – six = _____
3. Twenty – five= _____
4. Eight + Eight= _____
5. Three+ ten= _____
6. Seventeen + three= _____
7. Eight + Ten= _____
8. Twelve – six= _____
9. Eleven+ seven= _____
10. Fourteen – Nine= _____

V. Complete the sentences and translate in to Vietnamese. (4 điểm)

1/ is / my / ball. /red /This

-> _____

2/ Where / the/ are/ lions?

-> _____

3/ How old / you?/are

-> _____

4/ he/ Is / a policeman?

-> _____

5/ mom/ My / is / a nurse.

-> _____

6/ His name / Tom. / is

-> _____

7/ are / These / my hands.

-> _____

8/ table? / What's /on /the

-> _____

9/ The slide /under / is /the tree.

-> _____

10/ tiger/ The / is / on/the sofa.

-> _____

11/ is /in / the tree. / The bike

-> _____

12/ is / The teddy bear/ under /the slide.

-> _____

13/ the seesaw. / is / on / The doll

-> _____

14/ The ball /on / is / the goal.

-> _____

15/ is / This / Billy's / ice cream.

-> _____

16/ My grandpa / a / is / doctor.

-> _____

17/ the ball / Is / under / the table?

-> _____

18/ What color / the umbrella / is?

-> _____

19/ she / Is / a / pilot?

-> _____

20/ you / Do / like / cookies?

-> _____

VI. Write. (viết.) (1 điểm)

Is Billy in the bedroom? Yes, he is.

_____ Are they in the bath room? No, they _____.

_____ Tom and Tim in the dining room.? Yes, they _____.

_____ the baby in the bathroom? Yes, she _____.

_____ Mom in the kitchen? No, she _____.

VII. Write the word . (Viết từ .) (1 điểm)

1. _____ (c l e r i c) hình tròn

2. _____ (o a c t) áo khoác

3. _____ (g p i) con heo

4. _____ (t g r e i) con cọp

1. _____ (b r z e a) con ngựa vằn

2. _____ (r f e f a g i s) con hươu cao cổ

3. _____ (o s e u h) căn nhà

4. _____ (l o n i) con sư tử